TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 22-4-2021
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đỗ Tấn H, sinh năm: 1960; Địa chỉ: ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Đỗ Tấn Q, sinh năm: 1965; Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Đỗ Tấn H1, sinh năm: 1965; Địa chỉ: ấp T, xã T, Huyện D, tỉnh

Tây Ninh.

- ***Bị đơn:*** Ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1953; Nơi ĐKHKTT: ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Đỗ Tấn T, sinh năm: 1957; Địa chỉ: ấp Cầy X, xã Đồng K, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

(Ông H, ông Q, ông H1, ông T có mặt; ông C vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 21-5-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn- ông Đỗ Tấn Q- trình bày:***

Cha mẹ ruột ông là cụ Đỗ Văn V (chết năm 2003) và cụ Mai Thị Đ (chết năm 1997) có tổng cộng 08 người con chung gồm: Đỗ Văn C, sinh năm 1950 (chết năm 2005); Đỗ Thị T1, sinh năm 1952 (chết năm 2012); Đỗ Văn C, sinh năm 1953; Đỗ Tấn T, sinh năm 1957; Đỗ Tấn H, sinh năm: 1960; Đỗ Tấn M, sinh năm 1966 (chết năm 1994); Đỗ Tấn H1, sinh năm 1965 và Đỗ Tấn Q, sinh năm 1965 (là ông).

Bà Đỗ Thị T1 chết năm 2012, không có chồng, không có con đẻ, con nuôi, không có cha nuôi, mẹ nuôi, ông bà hai bên nội ngoại thì đã chết trước bà T1 từ rất lâu.

Bà T1 chết không để lại di chúc.

Khi chết, bà T1 để lại tài sản gồm: Diện tích đất 607,1 m^2 (đo đạc thực tế là 649,2 m^2) (có 100 m^2 đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 818 (thửa cũ: 58), tờ bản đồ số 50 (tờ bản đồ cũ: 08) do bà T1 đứng tên sử dụng tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có một căn nhà cấp 04 (cùng các các công trình phụ như hàng rào, cổng rào…) do bà T1 xây dựng từ trước năm 2000.

Ngoài ra, bà T1 không còn tài sản nào khác.

Tại phiên tòa, ông Q yêu cầu phân chia di sản của bà T1 là diện tích đất nêu trên theo pháp luật thành 05 phần cho những người thừa kế. Ông Q yêu cầu được nhận hiện vật do diện tích đất này giáp ranh diện tích đất ông đang sử

dụng.

Đối với căn nhà cấp 04: hiện không còn giá trị sử dụng đáng kể nên ông không tranh chấp. Riêng toàn bộ đồ đạc trong nhà, ông Q giao lại cho ông C toàn quyền sở hữu.

Về cây trái và tài sản khác trên đất: không yêu cầu chia, nếu nằm trên phần diện tích đất giao cho ai sử dụng thì thuộc quyền sở hữu của người đó.

Về kết quả định giá tài sản: Ông Q thống nhất, không có ý kiến gì.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Q, ông H, ông H1 tự nguyện chịu.

**** Nguyên đơn - ông Đỗ Tấn H và ông Đỗ Tấn H1 - trình bày:***

Ông H và ông H1 thống nhất theo trình bày của ông Q về hàng thừa kế, di sản thừa kế trong vụ án. Ông H và ông H1 yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà T1 để lại theo quy định pháp luật thành 05 kỷ phần, các ông không yêu cầu nhận hiện vật. Ông H và ông H1 không tranh chấp căn nhà cấp 04 trên đất vì căn nhà còn giá trị sử dụng không đáng kể, giao lại cho ông C toàn quyền sở hữu các đồ đạc trong nhà. Về cây trái và tài sản khác trên đất (như hàng rào…), không yêu cầu chia, nếu nằm trên phần diện tích đất giao cho ai sử dụng thì thuộc quyền sở hữu của người đó.

Về kết quả định giá tài sản: thống nhất, không có ý kiến gì.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Q, ông H, ông H1 tự nguyện chịu.

**** Bị đơn – ông Đỗ Văn C – trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 22-9-2020 và ngày 15-01-2021:***

Ông C thống nhất theo trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế trong vụ án. Ông C không muốn phân chia di sản của bà T1 mà muốn ở lại trên nhà, đất của bà T1 đến khi ông qua đời. Trong trường hợp phải phân chia di sản, do ông có công chăm sóc, thờ cúng và tổ chức giỗ cúng cho bà T1 nên ông yêu cầu phải phân chia cho ông được hưởng một phần hai giá trị đất, còn một phần hai giá trị đất còn lại thì chia đều cho những người thừa kế còn lại. Ông không yêu cầu phân chia căn nhà cấp 04 trên đất, đồ đạc trong nhà và tài sản khác trên đất (như hàng rào…). Về cây trái trên đất, có 10 cây dừa là do ông

trồng nên ông phải được hưởng giá trị, các cây trái còn lại ông không có tranh chấp.

Về kết quả định giá tài sản: thống nhất, không có ý kiến gì.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đỗ Tấn T – trình bày:***

Ông thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về di sản thừa kế, hàng thừa kế, những người được hưởng thừa kế. Ông không yêu cầu chia di sản là căn nhà cấp 04 trên đất vì căn nhà đã xuống cấp, không còn giá trị. Về các tài sản khác trên đất như cây trái, hàng rào…ông không tranh chấp, nếu nằm trên phần diện tích đất giao cho ai sử dụng thì thuộc quyền sở hữu của người đó. Ông yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà T1 để lại là diện tích đất 607,1 m^2 theo quy định pháp luật thành 05 kỷ phần, nếu phân chia cho ông nhận hiện vật thì ông cũng đồng ý và hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch lại cho người được hưởng.

Về kết quả định giá tài sản: thống nhất, không có ý kiến gì.

**** Kết quả định giá tài sản tranh chấp:***

- Đất trị giá 70.000.000 đồng/mét ngang x 15,7 mét ngang = 1.099.000.000 đồng.

- Đối với: Căn nhà cấp 04 xây dựng từ trước năm 2000 diện tích 3,9 m x dài 9,85 m; Các công trình phụ khác gồm: mái hiên trước nhà lợp thiếc, chân cột sắt, diện tích 4,05 m x 3,4 m; cổng rào sắt diện tích 2 m x 2 m, cửa cổng bằng sắt, có hai trụ cổng bằng xi măng cao 2,5 m x rộng 40 cm; hàng rào kẽm B40 (đoạn rào mặt trước đất cao 1,2 m x dài 12,7 m, có chân xây gạch không tô cao 0,4 m; đoạn rào giữa đất cao 1,22 m x dài 14 m có chân xây gạch tô cao 0,4 m; đoạn rào cuối đất dài 14,4 m x cao 1,2 m có chân xây gạch tô cao 0,4 m); cây trái trên đất, giếng nước: các đương sự không tranh chấp, thống nhất không phân chia.

- Tài sản thuộc sở hữu của ông Đỗ Văn C có: 10 cây dừa 05 năm tuổi trị giá 600.000 đồng/cây x 10 cây = 6.000.000 đồng; 02 cây dừa 01 năm tuổi trị giá 70.000 đồng/cây x 02 cây = 140.000 đồng.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 611, 612, 613, 645, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q, ông H, ông H1 về chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 607,1 m^2 (đo đạc thực tế là 649,2 m^2) theo pháp luật cho 05 người. Đối với việc ông Q, ông T có yêu cầu nhận đất thì giao đất và hoàn trả lại giá trị đất cho ông H, ông H1 và ông C; Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Đỗ Văn C – đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Bà Đỗ Thị T1 chết vào ngày 15-5-2012 nên xác định thời điểm mở thừa kế là vào ngày 15-5-2012 theo Điều 611 Bộ luật Dân sự. Căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó, ngày 21-5-2020, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất của bà T1 để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về diện thừa kế, hàng thừa kế, người thừa kế:

Bà Đỗ Thị T1 chết không để lại di chúc nên theo điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự, di sản của bà Tư để lại được phân chia thừa kế theo pháp luật.

Bà T1 không có chồng, con đẻ, con nuôi, cha mẹ nuôi, chết sau cha mẹ ruột, ông bà nội, ngoại. Do đó, căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự, tại thời điểm mở thừa kế vào ngày 15-5-2012, người được hưởng di sản do bà T1 để lại chỉ có

người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai gồm các anh, chị, em ruột (còn sống) của bà, cụ thể: ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Tấn T, ông Đỗ Tấn H, ông Đỗ Tấn Q.

Đối với ông Đỗ Tấn H1 tuy không phải là con ruột của ông V, bà Đ nhưng tất cả những người thừa kế đều xác định ông H1 được ông V, bà Đ nhận nuôi từ nhỏ đồng thời đứng tên là cha mẹ khai sinh cho ông H1. Quá trình chung sống, tất cả anh em trong gia đình đều xem ông H1 như anh em ruột thịt, gắn bó. Vì thế, ông Q, ông H, ông T, ông C đều thống nhất ông H1 được thừa kế di sản của bà T1 để lại và đồng ý trích kỷ phần thừa kế của mỗi người để phân chia di sản cho ông H1. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, những người thừa kế di sản do bà Đỗ Thị T1 để lại gồm: ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Tấn T, ông Đỗ Tấn H, ông Đỗ Tấn Q và ông Đỗ Tấn H1.

[2.3] Xác định di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất di sản của bà Đỗ Thị T1 gồm 01 phần đất diện tích 607,1 m^2 (đo đạc thực tế 649,2 m^2) thuộc thửa đất số 818 (thửa cũ: 58), tờ bản đồ số 50 (tờ bản đồ cũ: 08), đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H001403/4481/2005/HĐ-CN ngày 28-11-2005 cho bà Đỗ Thị T1 đứng tên sử dụng. Đất tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do bà T1 nhận thừa kế của cha mẹ để lại, là tài sản riêng của bà T1.

Ngoài ra, các đương sự trong vụ án xác định căn nhà cấp 04 và công trình phụ trên đất (mái hiên trước nhà, cổng rào, trụ rào, hàng rào kẽm B40 phía trước, đoạn giữa đất và cuối đất) cũng là di sản của bà T1, tuy nhiên các đương sự thống nhất không yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, xem xét nguồn gốc di sản và sự thống nhất thỏa thuận giữa những người thừa kế như trên cùng với quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định di sản của bà Đỗ Thị T1 là: 01 phần đất diện tích 607,1 m^2 (đo đạc thực tế 649,2 m^2) thuộc thửa đất số 818 (thửa cũ: 58), tờ bản đồ số 50 (tờ bản đồ cũ: 08), đất được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H001403/4481/2005/HĐ-CN ngày 28-11-2005 cho bà Đỗ Thị T1 đứng tên sử dụng. Đất tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Do đó, yêu cầu của các nguyên đơn về việc phân chia di sản của bà Đỗ Thị T1 là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Phương thức phân chia di sản:

Bà Đỗ Thị T1 không để lại nghĩa vụ về tài sản, các đương sự không yêu cầu tính chi phí nào khác trước khi phân chia thừa kế. Do đó, phần di sản của bà Đỗ Thị T1 trị giá 1.099.000.000 đồng được phân chia theo quy định pháp luật cho 05 kỷ phần là ông C, ông T, ông H, ông Q, ông H1, mỗi kỷ phần trị giá 219.800.000 đồng.

Ông Đỗ Tấn H và ông Đỗ Tấn H1 không có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật.

Ông C đang ở trên nhà, đất là di sản của bà Đỗ Thị T1. Tuy nhiên, quá trình Tòa án xác minh và thu thập chứng cứ thể hiện, ông C có nhà, đất riêng do ông C đứng tên sử dụng ở ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (bút lục 147, 148). Việc ông C ở lại trên nhà, đất của bà T1 bắt đầu kể từ khi bà T1 chết, việc ông sử dụng nhà, đất không được sự đồng thuận của các đồng thừa kế. Quá trình sử dụng nhà, đất, ông C không đầu tư, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản và cũng không tổ chức giỗ cúng cho bà T1, nhà cấp 04 ngày càng xuống cấp, mục nát. Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương (bút lục 171) cho thấy mục đích ông ở trên nhà, đất và không đồng ý thỏa thuận cùng các đồng thừa kế phân chia di sản là do muốn làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này. Do đó, không có cơ sở để xem xét công sức quản lý, tôn tạo di sản cũng như chi phí bảo quản di sản cho ông C. Quá trình Tòa án lấy lời khai, ông C cũng xác định không có khả năng hoàn trả giá trị bằng tiền nếu ông được phân chia hiện vật. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phân chia di sản bằng hiện vật bao gồm luôn căn nhà trên đất cho ông C mà để ông C hưởng giá trị đất theo kỷ phần thừa kế được hưởng là phù hợp.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Tấn T có nguyện vọng sẽ được nhận di sản là hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Diện tích đất ông Q đang sử dụng giáp ranh đất với phần đất là di sản của bà Đỗ Thị T1, ông Q có nguyện vọng nhận hiện vật nên xem xét phân chia di sản bằng hiện vật cho ông Q là phù hợp với nguyện vọng và thực tế sử dụng đất.

Khi bà Đỗ Thị T1 còn sống, ông Đỗ Tấn Q là người ở kề cạnh và chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian bà T1 bị bệnh nặng. Khi bà T1 qua đời, ông Q cũng là người xây mồ mả và tổ chức cúng giỗ cho bà T1 cho đến hiện tại (theo các nội dung xác minh tại bút lục 148, 171, 172, 173, 174). Tại phiên tòa, các nguyên đơn cũng tự nguyện thống nhất về việc ông H, ông H1, ông Q sẽ là người chăm lo giỗ cúng cho bà T1 trong thời gian tới.

Xem xét vị trí căn nhà cấp 04 trên đất, thấy rằng: Căn nhà cấp 04 do bà T1 để lại cách ranh đất về hướng Đông 4,6 m, cách ranh đất về hướng Tây 6,66 m, nằm ở vị trí giữa đất. Vì thế, để việc phân chia di sản theo hiện vật đảm bảo hạn chế tối đa tháo dỡ căn nhà, phân chia không bị manh mún, đồng thời xem xét điều kiện thực tế trong việc duy trì tổ chức cúng giỗ cho bà Đỗ Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy nên phân chia di sản theo hiện vật thành hai phần đất, một phần có hoàn toàn căn nhà cấp 04 giao cho ông Q, phần còn lại đảm bảo điều kiện tách thửa theo quy định pháp luật giao cho ông T là phù hợp nguyện vọng của các đồng thừa kế, phù hợp thực tế sử dụng đất và đồng thời không làm giảm giá trị quyền sử dụng đất sau khi phân chia.

Đối với 12 cây dừa: Các đương sự xác định thuộc sở hữu của ông Đỗ Văn C nên người thừa kế nào được phân chia phần đất có cây dừa phải hoàn lại giá trị cây dừa tương ứng cho ông Đỗ Văn C.

Đối với các tài sản khác gắn liền với đất: Các đương sự không tranh chấp, thống nhất nếu nằm trên phần diện tích đất giao cho ai sử dụng thì thuộc quyền sở hữu của người đó nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, hiện vật được phân chia như sau:

- Ông Q được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 415,9 m^2 (ngang 11,1 m x dài hết đất), có 50 m^2 là đất ở và 365,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, trị giá 777.000.000 đồng, đất có tứ cận như sau:

Đông giáp phần diện tích chia cho ông Đỗ Tấn Thành dài 43,06 m.

Tây giáp thửa 773 dài 5,22 m + 38,7 m.

Nam giáp thửa 99 dài 7,8 m.

Bắc giáp đường đất dài 11,1 m.

- Ông T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 190,4 m^2 (ngang 4,6 m

x dài hết đất), có 50 m^2 là đất ở và 140,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, trị giá 322.000.000 đồng, đất có tứ cận như sau:

Đông giáp thửa 552 dài 42,68 m.

Tây giáp phần diện tích đất chia cho ông Đỗ Tấn Quan dài 43,06 m.

Nam giáp thửa 99 dài 4,3 m.

Bắc giáp đường đất dài 4,6 m.

- Ông Q và ông T có quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia.

- Ông Q có nghĩa vụ hoàn lại cho ông H 219.800.000 đồng, ông H1 219.800.000 đồng, ông C 117.600.000 đồng và thanh toán cho ông C trị giá của 08 cây dừa 05 năm tuổi và 02 cây dừa 01 năm tuổi là 4.940.000 đồng.

- Ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông C 102.200.000 đồng và thanh toán cho ông C trị giá của 02 cây dừa 05 năm tuổi là 1.200.000 đồng.

Đối với toàn bộ đồ đạc, vật dụng trong căn nhà cấp 04: Các đương sự không có tranh chấp, ông Q thống nhất giao cho ông C toàn quyền sở hữu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với phần diện tích đất 42,9 m^2 đất tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Các đương sự không có tranh chấp. Do diện tích đất này chưa được cấp quyền sử dụng, nằm giáp ranh với diện tích đất của ông Đỗ Tấn Q và phần đất đang tranh chấp nên cần tạm giao cho ông Q quản lý, sử dụng. Ông Q được quyền đăng ký quyền sử dụng đối với phần diện tích đất này nếu đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

[2.5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.013.000 đồng. Ghi nhận ông Q đã nộp xong. Ông H, ông H1, ông Q cùng thống nhất tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và ông H, ông H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Q mỗi người 1.000.000 đồng.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Q, ông H1 phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng giá trị phần tài sản mà mỗi người được hưởng theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

- Ông C, ông T, ông H là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn H, ông Đỗ Tấn H1, ông Đỗ Tấn Q về việc chia di sản thừa kế của bà Đỗ Thị T1 theo pháp luật.

2. Di sản của bà Đỗ Thị T1 được phân chia như sau:

Ông Đỗ Tấn Q được quyền sử dụng diện tích đất 415,9 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở nông thôn và 365,9 m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 50 (số liệu cũ: thửa số 58, tờ bản đồ số 08) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H001403/4481/2005/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28-11-2005 cho bà Đỗ Thị T1 đứng tên sử dụng và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Đất tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp phần diện tích chia cho ông Đỗ Tấn T dài 43,06 m.

Tây giáp thửa 773 dài 5,22 m + 38,7 m.

Nam giáp thửa 99 dài 7,8 m.

Bắc giáp đường đất dài 11,1 m.

(Vị trí thửa đất và độ dài tứ cận có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ông Đỗ Tấn T được quyền sử dụng diện tích đất 190, 4 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở nông thôn và 140,4 m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số thuộc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 50 (số liệu cũ: thửa số 58, tờ bản đồ số 08) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H001403/4481/2005/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28-11-2005 cho bà Đỗ Thị T1 đứng tên sử dụng và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Đất tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp thửa 552 dài 42,68 m.

Tây giáp phần diện tích đất chia cho ông Đỗ Tấn Q dài 43,06 m.

Nam giáp thửa 99 dài 4,3 m.

Bắc giáp đường đất dài 4,6 m.

(Vị trí thửa đất và độ dài tứ cận có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ông Đỗ Tấn Q, ông Đỗ Tấn T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phù hợp với quyết định của bản án theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Tấn Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Tấn H số tiền 219.800.000 đồng (hai trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Tấn Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Tấn H1 số tiền 219.800.000 đồng (hai trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Tấn Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Văn C số tiền 122.540.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ông Đỗ Tấn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Văn C số tiền 103.400.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Văn C có nghĩa vụ bàn giao lại nhà, đất và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Đỗ Tấn Q và ông Đỗ Tấn T theo nội dung quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận:

- Các đương sự không có tranh chấp về toàn bộ đồ đạc, vật dụng trong căn nhà cấp 04, ông Đỗ Tấn Q đồng ý giao lại toàn bộ đồ đạc, vật dụng trong căn nhà cấp 04 cho ông Đỗ Văn C được quyền sở hữu.

- Ông Đỗ Tấn H, ông Đỗ Tấn Q, ông Đỗ Tấn H1, ông Đỗ Tấn T, ông Đỗ Văn C không yêu cầu phân chia di sản gồm: Căn nhà cấp 04 diện tích 3,9 m x dài 9,85 m; Các công trình phụ khác gồm: mái hiên trước nhà lợp thiếc, chân cột sắt, diện tích 4,05 m x 3,4 m; cổng rào sắt diện tích ngang 02 m x cao 02 m, cửa cổng bằng sắt, có hai trụ cổng bằng xi măng cao 2,5 m x rộng 40 cm; hàng rào kẽm B40 (đoạn rào mặt trước đất cao 1,2 m x dài 12,7 m, có chân rào xây gạch không tô cao 0,4 m; đoạn rào giữa đất cao 1,2 m x dài 14 m có chân rào xây gạch tô cao 0,4 m; đoạn rào cuối đất dài 14,4 m x cao 1,2 m có chân rào xây gạch tô cao 0,4 m).

- Các đương sự không có tranh chấp đối với phần diện tích đất tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 42,9 m^2. Ông Đỗ Tấn Q được quyền đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất này nếu đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Đỗ Tấn Q đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.013.000 đồng (ba triệu không trăm mười ba nghìn đồng). Ông Đỗ Tấn H, ông Đỗ Tấn Q, ông Đỗ Tấn H1 tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, ông H và ông H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Q mỗi người 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Tấn Q chịu 11.237.000 đồng (mười một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0006995 ngày 26-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông Q còn phải nộp 6.237.000 đồng (sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Tấn H1 chịu 10.990.000 đồng (mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0006994 ngày 26-5-

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông H1 còn phải nộp 5.990.000 đồng (năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Tấn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0006996 ngày 26-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

Ông Đỗ Tấn T, ông Đỗ Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Ông Đỗ Tấn H, ông Đỗ Tấn Q, ông Đỗ Tấn H1, ông Đỗ Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đỗ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên